

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 1 (HẠ)

I. SỬ LÃNH HỘI KHÁC NHAU

Hỏi: Phật có giáo pháp dựa vào bốn Tất-đàn nhưng nay giải thích năm nghĩa thì cùng với bốn Tất-đàn kia có thể phù hợp không?

Đáp: Nghĩa này nay sẽ nói. Trước hết đối với năm chương và kế đó giải thích bốn Tất-đàn: Thế-giới-tất-đàn là đối với việc giải thích danh, danh bao quát lấy một bộ thế giới đứng đầu đối với ba thứ kia. Đệ-nhất-nghĩa-tất-đàn là đối với thế được phân minh rất rõ ràng. Vị-nhân-tất-đàn đối với tông, tông luận về nhân quả. Nên Vị-nhân-tất-đàn đồng với nghĩa sanh thiện. Đối-trị-tất-đàn đối với dụng và dụng phá trừ nghi ngờ, nên đồng với sự trị bệnh. Phân biệt Tất-đàn tức đối với tướng giáo và tướng giáo như sau sẽ nói.

Hỏi: Tại sao không có thứ tự?

Đáp: Tất-đàn là trí tuệ của Phật đối với người căn cơ lợi độn duyên vào mà thành bốn loại. Người lợi căn nghe về Thế-giới-tất-đàn thì hiểu rõ Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn. Đây là đối với giải thích danh, biện rõ thể tức liền đủ. Nếu người độn căn chưa ngộ thì phải cần Vị nhân Tất-đàn, sanh thiện, Đối-trị-tất-đàn phá ác mới hội nhập được Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn tức là đầy đủ cả bốn thứ Tất-đàn. Ý của năm nghĩa quan trọng kiêm luôn cả người độn căn lợi căn còn pháp của Tất-đàn chỉ chuyên hóa độ người độn căn. Do vậy đối với nghĩa này thì đồng mà thứ tự thì khác.

Hỏi: Luận chuyên giải thích về Đại Phẩm mà không đề cập về Pháp Hoa thì sao có thể chỉ ra pháp Tất-đàn này thông suốt cả năm nghĩa? Trung Luận nêu ra thông suốt các kinh, vậy ý gì lại không dùng?

Đáp: Thích Luận nói “Bốn Tất-đàn nhiếp thu tám vạn pháp môn, mười hai bộ kinh thì tại sao Pháp Hoa lại không dựa vào! Trung Luận thông suốt nêu ra lý, nên phải dùng. Hoặc đầy đủ dẫn luận rộng rãi mà

chưa có sự khéo léo. Nay chỉ về tựa đề của Luận mà nêu ra năm chương: Chữ Trung là nêu ra thể, chữ Quán là nói lên Tông và chữ Luận là nêu ra Dụng. Kinh Anh Lạc nói “Phá pháp phương tiện và lập pháp phương tiện là vì phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh”. Luận có xét kỹ, phá chấp để lập nên Tam bảo, Tứ đế đạt được bốn quả Sa môn cho nên biết chữ Luận là trình bày dụng. Lý của Trung Quán không thể nghĩ bàn là trình bày nghĩa Diệu. Quán cảnh là quyền thực là trình bày Pháp. Quán trí là nhân quả tức trình bày nghĩa Liên Hoa. Quán các nghĩa đã diễn giải tức là kinh. Ba chữ của Luận (Trung Quán Luận) hợp với bốn Tất-đàn, dùng đó đối với năm nghĩa thì ý thông suốt trình bày rõ ràng nêu ra ý hiển bày. Nếu dùng Luận để trình bày kinh khác thì chọn lấy câu kệ đầu, trình bày về Tam Tạng giáo, câu kệ nêu ra Thông giáo, câu kệ đó nêu ra Biệt giáo, câu kệ tiếp nữa nêu ra Viên giáo. Pháp Hoa chính là chỗ nêu ra của câu thứ tư. Há có thể ngăn cản hai bộ Luận trình bày năm chương này và năm chương thông suốt trình bày các Kinh Luận!

Tiếp theo, giải thích bốn Tất-đàn phân làm mười mục: 1. Giải thích tên; 2. Biện rõ tướng; 3. Giải thích sự thành tựu; 4. Đối với Tứ đế; 5. Khởi quán giáo; 6. Nói và im lặng; 7. Dùng và không dùng; 8. Quyền và Thật; 9. Khai và hiển; 10. Thông kinh.

Thứ nhất: Giải thích danh: Tất-đàn là tiếng Ấn Độ. Có một thuyết nói: Trung Hoa không có dịch ra nghĩa. Như Tu-đa-la bao hàm nhiều cách phiên âm. Lại có một thuyết nói: Trung Hoa dịch là “Tông - Thành mặc ấn Thật thành tựu cứu cánh” v.v... mà chẳng biết thuyết nào đúng! Trong phẩm Trì Địa Bồ-tát Tất-đàn nói: Tất cả hành đều vô thường, các hành đều là khổ, các pháp đều vô ngã, Niết-bàn là tịch diệt” đó gọi là bốn Ưu-đàn-na. Chữ này, Trung Hoa dịch là Ấn cũng có thể dịch là Tông. Ấn là bậc thang cố định không thể dời đổi. Phật và Bồ-tát đầy đủ pháp này lại dùng đó để truyền giáo. Đây là dựa theo giáo giải thích nghĩa Ấn. Như Bồ-tát Thế Trí ở trong kinh nói: Các pháp Có, Không và không hai đều là bậc thang cố định mà các đấng Mâu Ni tịch mặc trải qua các kiếp quá khứ, đã dùng các pháp này để trao truyền, lần lượt truyền tiếp cho nhau. Đây là dùng hành để giải thích Ấn. Kinh nêu ra việc các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên cho đến nêu ra việc hy hữu Đệ nhất tối thượng. Chúng cùng quy ngưỡng bậc ở thế gian không có. Đây là giải thích nghĩa Tông. Các văn nghĩa rõ ràng để giải thích Ưu-đàn-na. Các luận sư đâu thể được dùng Tông Ấn mà dịch nghĩa bốn thứ Tất-đàn? Như dịch đây đã lầm, thì các dịch nghĩa khác cũng chẳng thể nào tin. Thiền sư Nam Nhạc thì ví như Đại Niết-bàn, âm Phạm và Hán đều

gọi chung. Tất là tiếng Trung quốc còn Đản là tiếng Phạm. Tất là biến còn Đản được phiên dịch là thí (bố thí). Phật dùng bốn pháp này bố thí khắp các chúng sanh cho nên nói Tất-đàn.

Thứ hai là biện rõ tướng: Thế giới giống như cái xe, do bánh xe, vành xe, nan xe, trục xe hòa hợp mà có xe riêng biệt. Năm chúng hòa hợp nên có người và không có người riêng biệt. Nếu không có người, mà Phật luôn là người nói chân thật thì, tại sao nói “Ta thấy chúng sanh trong sáu đường”. Nên biết, có người là có thế giới chứ chẳng phải Đệ-nhất-nghĩa. Đệ-nhất-nghĩa có thể là thật thì các điều khác không phải thật?

Đáp: Mỗi thứ đều bình đẳng như như pháp tánh. Vì thế giới vốn không vì Đệ-nhất-nghĩa vốn có. Người bình đẳng Đệ-nhất-nghĩa vốn không, cho nên thế giới vốn có. Có là đối với năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Tất cả danh tướng đều cách trở riêng biệt. Danh là thế giới. Người ngoại đạo mê mờ về thế giới này nên không đạt được pháp tướng, hoặc tính toán cho rằng không có nhân duyên mà có thế giới hoặc tính toán về nhân duyên sai trái mà có thế giới. Bậc Đại Thánh tùy thuận vào chỗ ham thích nghe của chúng sanh nên phân biệt mà nói: Chính nhân duyên sinh ra pháp thế giới khiến họ đạt được cái nhìn đúng đắn về thế gian. Đó gọi là Thế-giới-tất-đàn. Vị nhân Tất-đàn tức là bậc Đại Thánh quán xét tâm người mà nói pháp cho họ nghe. Tâm người mỗi mỗi đều không giống nhau, nên trong cùng một sự việc hoặc có người lắng nghe, hoặc không lắng nghe mình nói. Như do nhiệm nghiệp lẫn lộn mà có thế gian với nhiều hình thức sanh sống. Do có nhiều xúc lẫn lộn mà có nhiều cảm thọ tạp nham. Lại có kinh Phá Quân Na nói “không có người xúc chạm mà không có người cảm thọ”. Vì nghi đời sau của loại người mà không tin tội, phước rơi vào Đoạn và Thường kiến cho nên mới tạo ra học thuyết này. Nhân đây, ý ngoài việc phá chấp cho họ, chính là làm cho sanh khởi niềm tin, tăng trưởng thiện căn mà thực hành thiện pháp của họ. Do vậy nên gọi mỗi thứ là Vị-nhân-Tất-đàn. Đối-trị-Tất-đàn là có pháp đối trị tức có thật tánh thì không có đối trị. Nếu tham dục nhiều thì dạy quán bất tịnh, nếu người sân hận nhiều thì dạy tu tâm từ bi. Nếu ngu si nhiều thì dạy quán nhân duyên. Do chữa trị bệnh ác xấu mà nói thuốc pháp này cho khắp chúng sanh nên gọi là tướng Đối-trị-Tất-đàn. Đệ-nhất-nghĩa-Tất-đàn gồm có hai loại: Không thể nói và có thể nói. Không thể nói (bất khả thuyết) tức là pháp chơn thật của chư Phật A-la-hán và Bích chi Phật đã chứng đắc. Dẫn kệ nói rằng “Ngôn, luận hết rồi, Tâm hành cũng dứt,

không sanh không diệt pháp như Niết-bàn. Nói các Hành xứ gọi là thế giới. Nói hành “không” là Đệ-nhất-nghĩa”. Có thể nói tức là nói tất cả pháp thật, không thật, cũng thật cũng không thật, chẳng phải thật chẳng phải không thật gọi là Thật tướng của các pháp, mỗi mỗi loại như vậy, đức Phật đều nói rõ ở trong kinh đều gọi là Đệ-nhất-nghĩa-Tất-đàn. Đây cũng là ý của một luận sư nói rõ bốn môn đi vào sự thật. Trung Luận nói “Làm người hướng đạo mà nói bốn câu. Như ngựa chạy nhanh nhìn thấy bóng roi liền đi vào đúng đường. Nếu người nghe bốn câu mà tâm sanh chấp trước thì đều là hý luận đâu thể được gọi là Đệ-nhất-nghĩa!

Riêng Tôi (Trí Giả) làm mười lăm giải thích về tướng Tất-đàn khiến cho dễ hiểu: Tùy thuận nói sự và lý khiến người nghe hợp ý vui thích tức là Thế-giới-Tất-đàn. Các thiện tâm vốn có được sanh là Vị-nhơn-Tất-đàn. Các ác tâm mới nảy sanh bị trừ diệt là Đối-trị-Tất-đàn. Được ngộ nhập Thánh đạo thì gọi là Đệ-nhất-nghĩa. Cùng nói pháp giả và thật gọi là Thế-giới-Tất-đàn. Vì luận về vành xe, bánh xe, nan xe, trục xe nên có xe, vì luận về năm ấm hòa hợp nên có con người. Riêng nói về con người giả hợp gọi là Vị-nhơn-Tất-đàn, luận hoặc nói có người hoặc không có người. Chỉ nói thật pháp tức là Đối-trị-Tất-đàn. Luận về Đối-trị-Tất-đàn tức là thật tánh. Không có hai, chẳng phải thật cũng chẳng phải giả tức là Đệ-nhất-nghĩa, tức luận về ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt v.v... Nhân duyên hòa hợp thì có người thiện, người ác khác nhau gọi là Thế-giới-tất-đàn. Duyên thiện hòa hợp có người thiện là Vị-nhơn-Tất-đàn. Duyên ác hòa hợp mà có người ác là Đối-trị-Tất-đàn. Nếu song song chẳng phải thiện chẳng phải ác là Đệ-nhất-nghĩa. Nếu thật pháp của năm ấm cách trở nhau trong quá trình tồn tại thì gọi là Thế-giới-tất-đàn. Từ thiện thuộc năm ấm sanh khởi thiện năm ấm là Vị-nhơn-tất-đàn... Lấy năm ấm thiện phá năm ấm ác là Đối-trị-Tất-đàn. Năm ấm chính là vô lậu là Đệ-nhất-nghĩa. Pháp thiện và pháp ác khác nhau là Thế-giới-tất-đàn. Nói pháp thiện hôm nay sanh khởi thiện pháp mai sau là Vị-nhơn-tất-đàn. Nếu lấy thiện pháp hôm nay phá pháp ác trước mắt là Đối-trị-tất-đàn. Nếu chẳng phải thiện chẳng phải ác là Đệ-nhất-nghĩa.

Hỏi: Người chung có thiện, ác tại sao nói sanh khởi thiện là Vị-nhơn-tất-đàn?

Đáp: Nghiệp thiện làm con người nương theo khiến sanh khởi thiện cho nên nói là Vị-nhơn-tất-đàn.

Hỏi: Vì người sanh khởi thiện nên chỉ có sanh thiện thì sao lại đoạn ác?

Đáp: Vị-nhân-tất-đàn là vì con người sanh Thiện là vốn có là chính yếu, việc đoạn ác là mới phát sanh, là thứ yếu. Trong Đối-trị-tất-đàn thì đối trị ác là vốn có là chính yếu, việc sanh thiện là mới phát sanh là thứ yếu v.v...

Trong ba đời ngàn cách riêng biệt nhau là Thế-giới-tất-đàn, đời vị lai là Vị-nhân-tất-đàn, đời hiện tại là Đối-trị-tất-đàn. Chẳng phải ba đời là Đệ-nhất-nghĩa. Bốn thiện căn nội ngoại phạm cách trở riêng biệt là Thế-giới-tất-đàn. Noãn, Đảnh là Vị-nhân-tất-đàn. Niệm xứ biệt tướng, tổng tướng là Đối-trị-tất-đàn. Thế Đệ nhất pháp đến gần chơn thật là Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn. Kiến đạo và Tu đạo khác nhau là Thế-giới-tất-đàn. Kiến đạo là Vị-nhân-tất-đàn. Tu đạo là Đối-trị-tất-đàn. Bạc Vô học đạo là Đệ-nhất-nghĩa. Chẳng phải học chẳng phải Vô học là Thế-giới-tất-đàn. Kiến học là Vị-nhân-tất-đàn. Tu học là Đối-trị-tất-đàn. Vô học là Đệ-nhất-nghĩa. Trong Thế-giới-tất-đàn có Vị-nhân-tất-đàn; trong Vị-nhân-tất-đàn có Đối-trị-tất-đàn, trong Đối trị có Đệ-nhất-nghĩa, trong Đệ-nhất-nghĩa không có ba thứ Tất-đàn v.v... Nên biết trong một Tất-đàn thông suốt có bốn thứ Tất-đàn. Luận nói rằng: Ấm, nhập, giới cách nhau riêng biệt là Thế-giới-tất-đàn. Nhân duyên hòa hợp cho nên có con người là Vị-nhân-Tất-đàn. Chánh thế giới phá tà thế giới là Đối-trị-tất-đàn. Nghe Chánh thế giới mà được ngộ nhập là Đệ-nhất-nghĩa. Vị-nhân-tất-đàn có bốn thứ Tất-đàn tức là: Duyên nghiệp tạp lẫn mà nhận sự xúc chạm lẫn lộn và cảm thọ tạp nhiễm là Thế-giới-tất-đàn. Đối với một sự việc hoặc lắng nghe là Vị-nhân-tất-đàn, hoặc không lắng nghe là Đối-trị-tất-đàn. Và không có người xúc chạm, không có người cảm thọ là Đệ-nhất-nghĩa. Trong Đối-trị-tất-đàn có bốn thứ Tất-đàn tức là: Ba loại pháp của Phật dùng để đối trị bệnh tâm của người. Bệnh và thuốc trị bệnh khác nhau là Thế-giới-tất-đàn. Đối trị người là Vị-nhân-tất-đàn. Đối trị bệnh là Đối-trị-tất-đàn. Thật tánh thì không có là Đệ-nhất-nghĩa. Trong Đệ-nhất-nghĩa có bốn thứ Tất-đàn tức là: Tất cả pháp thật cho đến bốn câu là Thế-giới-tất-đàn. Pháp trong tâm Phật và Bích-chi Phật đã chứng đắc há chẳng phải Lý thiện là Vị-nhân-tất-đàn! Tất cả ngôn ngữ luận bàn, tất cả các thấy, tất cả sự chấp trước đều có thể phá, tất cả không thể thông suốt là Đệ-nhất-nghĩa. Nếu thông suốt thì gọi là Đối-trị-tất-đàn. Ngôn ngữ đoạn dứt, pháp như Niết-bàn là Đệ-nhất-nghĩa. Lại nữa, nếu làm chung thì bốn Tất-đàn khác nhau chung là Thế-giới-tất-đàn. Bốn Tất-đàn giáo hóa khắp chúng sanh chung là Vị-nhân-tất-đàn. Bốn Tất-đàn đều phá tà mà chung là Đối-trị-tất-đàn. Tùy thuận nghe một loại pháp đều có khả

năng ngộ đạo chung là Đệ-nhất-nghĩa. Nếu làm riêng biệt thì căn cứ Khổ đế và Tập đế là Thế-giới-tất-đàn, dựa theo về Đạo đế có khả năng đối trị là chỉ ra Vị-nhân-tất-đàn, căn cứ sự đối trị của Đạo đế là nói lên Đối-trị-tất-đàn, dựa theo Diệt đế là nêu ra Đệ-nhất-nghĩa. Hỏi: Dựa vào luận giải thích đã đầy đủ tại sao còn dùng nhiều cách giải thích?

Đáp: Luận nói rằng: Bốn Tất-đàn thu nhiếp cả tám vạn bốn ngàn pháp tạng thì riêng ước lược mười lăm pháp để phân biệt thì đâu có lỗi!

Thứ ba là Giải thích thành tựu của bốn Tất-đàn. Bốn Tất-đàn này chính là Ngài Long Thọ đã nói bốn Tùy Thiển như trong kinh Phật nói. Nay đem kinh mà luận nghĩa ấy càng rõ. Đó gọi là Tùy thuận theo ưa muốn, tùy tiện nghi, tùy đối trị, tùy Đệ-nhất-nghĩa. Ưa muốn từ nhân mà gọi tên, thế giới theo quả mà lập tên. Thích Luận nói “Ham muốn là căn bản của tất cả thiện và ác”. Kinh Tịnh Danh nói “Trước tiên dùng lưỡi câu ham muốn, móc vào họ rồi sau mới khiến cho vào Phật đạo”. Kinh Phật nêu ra tướng tu nhân còn luận nêu ra tướng đắc quả. Như vậy nêu ra tùy thuận theo ham muốn mà giải thích thành Thế-giới-tất-đàn. Tùy tiện nghi, tùy pháp thích nghi với người thực hành đều là Vị-nhân-tất-đàn. Tức là bậc Hóa chủ xét rõ căn cơ mà chiếu soi họ có khả năng hay không. Luận nói “trong một sự việc, hoặc lắng nghe hoặc không lắng nghe; thích nghi thì lắng nghe, không thích nghi thì không lắng nghe như Kim Sư tử thích nghi với pháp Sở tức còn Hoán y Tử thích nghi với pháp quán bất tịnh. Như vậy kinh nêu ra sự kham nhận thích nghi của hành giả còn luận nói lên sự quan sát chiếu soi của hóa chủ để giải thích thành tựu. Hai Tất-đàn còn lại Kinh và Luận đều nêu ra danh nghĩa giống nhau v.v..

Thứ tư là đối với Đế: Trực tiếp đối với một lần chung cả Tứ đế như trước đã nói. Rộng thì đối bốn loại, Tứ đế. Nghĩa là bốn loại Tứ đế mỗi loại đều đối với bốn Tất-đàn. Lại còn có tổng đối, tức Sanh diệt Tứ đế đối với Thế-giới-tất-đàn, Vô sanh Tứ đế đối với Vị-nhân-Tất-đàn; Vô lượng Tứ đế đối với Đối-trị-tất-đàn, Vô tác Tứ đế đối với Đệ-nhất-nghĩa.

Thứ năm là khởi quán giáo: Đã là lý huyền diệu nếu chẳng phải quán xét thì không hiểu rõ. Quán để phù hợp với lý nếu chẳng phải Tất-đàn thì không thể khởi quán. Khi tu quán từ Giả đi vào Không quán pháp trước tiên chính là nhân duyên sanh, mọi sự, trong ngoài, gần xa, cách biệt của pháp này. Nếu không chuyên cần ưa muốn thì sự tích tập không thành, quyết phải sớm tối tinh chuyên ham thích, Quán chiếu chớ dùng lưỡi biếng. Đây tức là Thế-giới-tất-đàn khởi lên “sơ quán”. Nếu

muốn quán Giả đi vào Không thì phải nhận thức các phương tiện thích nghi, tức là Vị-nhân-tất-đàn. Người thích nghi tu quán tức phải dùng ba giác phần: Trạch pháp, Tinh tấn, và Hỷ để khởi quán. Nếu thích nghi tu Chỉ thì dùng ba giác phần: Trừ, Xả, Định mà khởi lên tu Chỉ. Nếu niệm thông cả hai thứ thì tùy nghi mà thiện tâm phát khởi. Nếu có bệnh tâm chìm sâu (hôn trầm), trôi nổi thì phải dùng Đối-trị-tất-đàn. Nếu khi tâm chìm sâu thì phải Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ mà đối trị. Nếu khi tâm trôi nổi thì phải dùng Niệm Xả, Trừ Định để đối trị. Nếu khéo dùng Vị-nhân-tất-đàn thì thiện căn phát triển. Nếu khéo dùng “Đối-trị-tất-đàn” thì phiền não giảm đi. Đối với bảy giác chi, tùy nghi nương vào một giác chi nào đó nhưng hốt hoảng cảm thấy như mất đi mà thực chất không mất thì lập tức nương vào giác chi này nghiên ngẫm, tu tập để có thể phát khởi sự chân thật, thấy rõ Đệ-nhất-nghĩa. Đây là vì dùng bốn Tất-đàn mà phát khởi quán từ Giả đi vào Không nhằm thành tựu Như thiết trí và phát sanh tuệ nhãn. Nếu quán từ Không đi vào Giả thì cũng như vậy. Tức là khéo dùng bốn Tất-đàn, để đạt được Đạo chủng trí và pháp nhãn. Nếu tu quán Trung đạo Đệ-nhất-nghĩa thì cũng như vậy, tức là khéo dùng bốn Tất-đàn để đạt đến Như thiết trí và Phật nhãn. Nếu đồng một lúc tâm thực hiện ba Quán thì cũng như thế.

Khởi giáo: Như Đại Luận nói “Phật thường thích im lặng, không thích thuyết pháp”. Tịnh Danh cũng luận là “bịt miệng”. Kinh này nói “Không thể dùng ngôn từ để tuyên thuyết”. Đại kinh nói “sanh sanh không thể nói, cho đến bất sanh, bất sanh cũng không thể nói”. Lại nói rằng: Có thể nói mười pháp nhân duyên vì sanh tạo ra nhân, cũng có thể nói mười nhân duyên từ vô minh đến hữu đã tạo ra chúng sanh đầy đủ bốn căn tánh, có khả năng cảm nhận được bốn loại pháp của Như lai nói ra. Hoặc như mười nhân duyên đã thành tựu chúng sanh với những ưa muốn thấp kém (hạ phẩm) có khả năng các sự thiện trong Tam giới mà vụng về vượt qua như phá trừ hoặc, phân tích pháp đi vào “không”. Người đầy đủ nhân duyên này thì Như Lai liền chuyển pháp luân Sanh diệt Tứ đế, mà khởi xuất Tam Tạng giáo. Hoặc như mười nhân duyên đã thành tựu chúng sanh với các ưa muốn hạng trung bình có khả năng sanh Lý thiện trong Tam giới mà khéo vượt qua như phá Hoặc chứng thể pháp đi vào Không. Người đầy đủ nhân duyên này thì Như Lai liền chuyển pháp luân Vô sanh Tứ đế và khởi lên Thông giáo. Hoặc như mười nhân duyên đã thành tựu chúng sanh với sự ưa muốn hạng cao hơn có khả năng sanh sự thiện ngoài Tam giới trải qua riêng biệt để phá Hoặc lần lượt đi vào Trung đạo. Người đầy đủ nhân duyên này thì Như

lai liền chuyển pháp luân Vô lượng Tứ đế và phát khởi Biệt giáo. Hoặc mười nhân duyên đã thành tựu chúng sanh với sự ưa muốn hạng cao nhất có khả năng sanh Lý thiện ở ngoài Tam giới, đồng loạt phá Hoặc, tất cả phá Hoặc viên mãn nhanh chóng đi vào Trung đạo. Người đầy đủ nhân duyên này thì Như Lai liền chuyển pháp luân Vô tác Tứ đế khởi sanh Viên giáo. Lại nữa, trong mỗi loại giáo đều có đủ mười hai bộ kinh, cũng dùng Tất-đàn để khởi lên. Nếu mười pháp nhân duyên đã thành tựu chúng sanh với ưa nghe các sự thế giới nhân duyên đang có, thì Như Lai liền vì họ thẳng thắn nói pháp giả, thật thuộc ấm, nhập giới v.v... gọi là Tu-đa-la, hoặc bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín kệ trùng tụng lại sự việc của giới, ấm, nhập v.v... thì gọi là Kỳ đa, hoặc trực tiếp ghi nhận sự việc của chúng sanh trong đời vị lai cho đến ghi nhận chim Bồ câu và Khổng tước thành Phật v.v... thì gọi là Hòa-già-la-na; hoặc chỉ nêu ra kệ nói về sự việc của thế giới, ấm, nhập v.v... thì gọi là Già-đà, hoặc không có người hỏi mà tự nói về sự việc của thế giới ấm, nhập thì gọi là Ưu-đà-na, hoặc ước định sự việc bất thiện của thế giới mà kiết giới cấm thì gọi là Ni-đà-na, hoặc lấy thí dụ để nói về sự việc của thế giới thì gọi là A-ba-đà-na, hoặc nói về sự việc vốn có xưa kia trong thế giới thì gọi là Y-đế-mục-đa-già, hoặc nói sự thọ sanh xưa kia thì gọi là Xà-đà-già, hoặc nói sự rộng lớn của thế giới thì gọi là Tỳ-Phật-lược; hoặc nói lên sự việc chưa từng có của thế giới thì gọi là A-phù-đà-đạt-ma, hoặc hỏi về sự việc của thế giới thì gọi là Ưu-ba-đề-xá. Đây là Thế-giới-tất-đàn. Vì thuận theo ý chúng sanh nên mới nói ra mười hai bộ kinh, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói khiến sanh khởi thiện của chúng sanh, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói khiến cho phá trừ ác của chúng sanh, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói khiến chúng sanh hiểu ngộ. Đây gọi là bốn Tất-đàn khởi lên mười hai bộ kinh thuộc Tam Tạng giáo.

Nếu mười pháp nhân duyên đã thành tựu chúng sanh thích nghe pháp Không thì Phật thẳng thắn vì họ nói năm ấm, mười hai nhập và mười tám giới chính là Không, (tức không) hoặc bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín câu kệ trùng tụng nói về ấm, giới, nhập là Không, hoặc nói lên sự đạt được ấm giới nhập là “Không” tức liền thọ ký, hoặc chỉ nói ấm, giới, nhập là Không, hoặc không hỏi mà tự nói ấm, giới, nhập là Không, hoặc nói biết ấm, giới, nhập là Không gọi là giới cấm, hoặc nêu ra như huyễn như hóa v.v... để dụ nói về ấm, giới, nhập là Không, hoặc nói cõi nước, thế gian xưa kia tức là Không, hoặc nói bốn sanh ấm, giới, nhập tức là Không hoặc nói “tức không” rộng lớn, hoặc nói ấm, nhập, giới tức không là việc hiếm có, hoặc hỏi về ấm, nhập, giới tức là

Không. Đây là tùy sự ưa thích của chúng sanh mà nói tức Thế-giới-tất-đàn, mà khởi lên mười hai bộ kinh của Thông giáo tức là: Hoặc tạo ra mười hai thể loại nói tức là Không để sanh thiện, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói tức không để phá trừ ác, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói tức không để khiến chúng sanh tỏ ngộ lý. Đây là bốn Tất-đàn mà khởi lên mười hai bộ kinh của Thông giáo.

Nếu mười pháp nhân duyên đã thành tựu chúng sanh thích nghe tất cả thế giới, tất cả âm, giới, nhập cho đến thế giới không thể nói, các sự âm, giới, nhập v.v... không thể nói thì Như lai thẳng thắn nói tất cả thế giới đang hiện hữu và âm, nhập v.v... tất cả thế giới của chúng bàng sanh (phiên phúc) và Âm giới nhập... tất cả thế giới của loài Ngạ quỷ (Ngũong) và âm giới nhập v.v... tất cả thế giới của loài địa ngục, (cư trú diên đảo) và âm giới nhập v.v... tất cả cõi nước như uế, thanh tịnh, tất cả cõi phàm và Thánh. Như vậy tất cả mọi thế giới, cho đến thế giới không thể nói, tất cả âm, nhập, giới cho đến âm, nhập, giới không thể nói v.v... hoặc tạo ra bốn cho đến chín câu kệ trùng tụng, hoặc chỉ nêu ra kệ, hoặc người có thể biết về cõi nước, âm, nhập giới liền đều thọ ký thành Phật, hoặc người có thể biết tức đầy đủ cấm giới; hoặc nói thí dụ; hoặc nói sự việc xưa kia của cõi nước, hoặc nói sự thọ sanh xưa kia, hoặc nói sự rộng lớn, hoặc nói sự hiếm có, hoặc nói sự luận nghị. Như vậy, mười hai thể loại thuyết pháp là để làm vừa ý chúng sanh, hoặc sanh khởi thiện hoặc phá trừ ác hoặc khiến ngộ nhập. Đây gọi là bốn Tất-đàn sanh khởi mười hai bộ kinh của Biệt giáo.

Nếu mười pháp nhân duyên đã thành tựu chúng sanh ưa nghe về cõi nước không thể nói, âm, nhập, giới không thể nói tức đều là chơn như Thật tướng thì Như Lai liền vì họ trực tiếp nói: Tất cả y báo và chánh báo của cõi nước chính là cõi Thường Tịch Quang, tất cả âm, nhập chính là Bồ-đề, xa rời đây không có Bồ-đề, một sắc, một hương chẳng gì không phải Trung đạo, nếu lìa sắc và hương thì không có Trung đạo riêng biệt, mắt, tai, mũi, lưỡi đều là cửa ngõ tịch tĩnh nếu lìa xa chúng thì không có cửa tịch tĩnh riêng biệt: Hoặc tạo ra kệ trùng tụng, hoặc chỉ khởi lên kệ nói, hoặc tạo ra thể loại không hỏi mà tự nói, hoặc người biết cho thọ ký, hoặc biết đầy đủ giới hoặc nói lên thí dụ, hoặc chỉ ra thế giới xưa kia, hoặc chỉ ra bản sanh, hoặc nói sự rộng lớn, hoặc nói hiếm có, hoặc tạo ra luận nghị. Đây là vì đưa đến sự ưa muốn tức Thế-giới-tất-đàn mà khởi nói mười hai bộ kinh của Viên giáo, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói để phát sanh diệu thiện, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói để phá sạch xấu ác, hoặc tạo ra mười hai thể loại nói để nhanh

chóng lãnh hội lý. Đây là vì bốn Tất-đàn mà khởi nói mười hai bộ kinh thuộc Viên giáo. Lại nữa, dùng bốn Tất-đàn thuộc Viên giáo và Biệt giáo để nói lên mười hai bộ kinh chính là nêu rõ giáo Hoa Nghiêm. Nếu chỉ dùng một lần bốn Tất-đàn để nói đến mười hai bộ kinh tức là trình bày về Tam Tạng giáo. Nếu dùng bốn lần bốn Tất-đàn nói về mười hai bộ kinh tức là nói lên giáo Phương đẳng. Nếu dùng ba lần bốn Tất-đàn nói mười hai bộ kinh tức là nêu ra giáo Bát-nhã. Nếu chỉ dùng một lần bốn Tất-đàn nói mười hai bộ kinh thì là trình bày giáo nghĩa Pháp Hoa. Đại Luận nói “Bốn Tất-đàn thu nhiếp mười hai bộ kinh, nghĩa ấy vốn như vậy”. Kinh Trì Địa nói “Bồ-tát nhập Tam muội Ma-đắc-lặc-già tạo ra luận “không điên đảo”. Vì khiến chánh pháp được trụ lâu nên thiên định mà tạo luận. Bồ-tát trụ vào thiên ấy, quán sát chúng sanh, vào thời Phật sau khi nhập diệt căn duyên bất đồng mà tạo ra luận để lưu thông kinh. Như Thiên Thân dùng hai lần bốn Tất-đàn tạo ra Địa Luận để lưu thông kinh Hoa Nghiêm, Xá-lợi-phất dùng một lần đầu bốn Tất-đàn tạo ra Tỳ-đàm, năm trăm La-hán tạo ra Luận Tỳ-bà-sa để lưu thông Tam Tạng giáo, nêu ra ý kiến “Hữu” đặc đạo, Ha Lê Bạt Ma cũng dùng một lần bốn Tất-đàn để tạo ra Thành Thật Luận lưu thông Tam Tạng giáo nêu ra ý kiến “Không” đặc đạo, Ca chiên diên cũng dùng một lần đầu thuộc bốn Tất-đàn để tạo ra Tỳ-lặc Luận nhằm lưu thông Tam Tạng giáo, nêu ra ý kiến Không và Hữu mà đặc đạo, Long Thọ dùng bốn lần bốn Tất-đàn tạo ra Trung Luận ba lần chính lưu thông Đại thừa và một lần lưu thông Tam tạng, Di Lặc dùng hai lần bốn Tất-đàn tạo ra Luận Trì Địa để lưu thông kinh Hoa Nghiêm, Vô Trước cũng dùng hai lần bốn Tất-đàn tạo ra Luận Nhiếp Đại thừa; Long Thọ dùng ba lần bốn Tất-đàn tạo ra Luận Đại Trí Độ để lưu thông Đại Phẩm. Thiên Thân dùng một lần bốn Tất-đàn lưu thông kinh Pháp Hoa. Người đời truyền rằng Long Thọ và Thiên Thân mỗi người tạo ra luận Niết-bàn, mà chưa đến phương này (Trung Hoa) nhưng dựa theo trên có thể biết. Lại còn có các luận của năm thông và thần tiên, như: Luận Thích Thiên Thiện, luận Đại Phạm xuất dục đều dùng một lần Tất-đàn phương tiện làm lợi ích. Sách Thư nói “Văn thực hiện thành thật tin vào định, lễ thì sách v.v...” tức là Thế-giới-tất-đàn. Người làm quan lấy đức xử thế khiến đời đời khen ngợi là Vị-nhân-tất-đàn. Nếu đối với người trái nghịch, bội phản mà dùng hình phạt nên không còn kẻ tiểu nơn thì gọi là Đối-trị-tất-đàn. Do chính sách ở đạo thanh tịnh hợp với ý trời người v.v... tức là Đệ-nhất-nghĩa của thế gian.

Thứ sáu là: Khởi lên lời Thánh và im lặng của bậc Thánh: Kinh

Tư Ích nói: “Phật bảo các Tỳ kheo, các ông phải thực hiện hai sự việc: Hoặc nói pháp của bậc Thánh hoặc im lặng như bậc Thánh. Lời Thánh nói như ở trên đã biện rõ. Im lặng như bậc Thánh nghĩa là bốn loại Tứ đế đều là pháp của Thánh nhân thuộc ba Thừa chứng đắc chẳng phải phạm phu biết nên không thể nói được. Giả sử khiến cho nói, cũng giống như vì người mù mà đốt đuốc thì họ đâu có ích gì. Do đó không thể nói, gọi là im lặng như bậc Thánh. Trong kinh Hoa Nghiêm nêu ra số thế giới không thể nói, không thể nói nhằm nói rõ lý tuyệt đối không thể nói và không thể nói. Căn cứ ở hai lần Vô lượng, Vô tác Tứ đế nói bất sanh sanh và bất sanh bất sanh nhằm nói rõ “không thể nói, không thể nói” tức gọi là im lặng như bậc Thánh. Hoặc như trong Tam Tạng giáo, Tỳ-kheo Kiều-trần-như, đầu tiên đạt được sự thấy biết chơn thật tức im lặng, không có âm tiếng và văn chữ. Thân tử nói “Tôi nghe trong đạo giải thoát, không có ngôn thuyết”. Đây là căn cứ ở pháp sanh sanh thuộc Sanh diệt Tứ đế, nhằm nói rõ “không thể nói, không thể nói” tức gọi là sự im lặng của bậc Thánh. Tịnh Danh nói “bịt miệng”. Kinh Đại Tập nói: Đạo Bồ-tát không có ngôn từ không thể dừng trí để biết, không thể dùng thức để biết. Ngôn ngữ diệt mất, tâm hành cũng dứt, pháp bất sanh bất diệt như Niết-bàn”. Đây tức ước định bốn lần Tứ đế không thể nói, không thể nói, tức gọi là sự im lặng của bậc Thánh. Hoặc từng câu trong Đại Phẩm không thể đạt được, không thể đạt được tức là không thể dùng thân đạt được, không thể dùng tâm đạt được, không thể dùng miệng nói được. Đây chính là ba lần chuyển của pháp Tứ đế: Sanh, bất sanh, bất sanh, sanh; bất sanh, bất sanh nhằm nói rõ nghĩa: Không thể đạt được, không thể đạt được. “Không thể nói, không thể nói” gọi là sự im lặng của bậc Thánh. Ở Kinh này có nêu rõ: “Thôi thôi, không nên nói nữa! Pháp vi diệu của Ta thật khó nghĩ bàn. Pháp ấy không thể chỉ ra, tương ngôn từ tịch diệt, không thể dùng lời nói mà tuyên thuyết, chẳng phải suy lường phân biệt mà hiểu được”. Đây là căn cứ theo pháp bất sanh, bất sanh thuộc Vô tác Tứ đế nhằm nói rõ không thể nói, không thể nói nên gọi là sự im lặng của bậc Thánh.

Hỏi: Vì đem lại niềm vui cho người khác nên có sự thuyết pháp của bậc Thánh, vì tự vui cho nên gọi là sự im lặng của bậc Thánh. Vậy im lặng tức không đem lại lợi ích cho người khác?

Đáp: Chính là vì tự vui nhưng bên cạnh đó cũng đem lại lợi ích cho người khác. Nếu người chán ghét văn chương thì không ham thích ngôn ngữ, vì làm vừa lòng người ấy nên Thánh nhân im lặng. Như trong Luật nói “vì đem phước lại cho người khác cho nên mới thọ nhận sự

cúng dường. Thánh tức là im lặng (mặc nhiên). Như Tỳ-kheo Hiệp Tôn giả đối phá ngài Mã Minh cho nên im lặng. Như Phật ngồi kiết già kh-iến thân tâm luôn chánh niệm bất động làm cho vô lượng người được ngộ đạo. Vì thế cho nên im lặng đều là bốn Tất-đàn. Nếu khởi sự im lặng này làm lợi ích cho tất cả chúng sanh thì sao gọi là vô ích!

Hỏi: Bốn Tất-đàn thu nhiếp tám vạn bốn ngàn tạng pháp thì tướng ấy là thế nào?

Đáp: Kinh Hiền Kiếp nói “từ Phật ban đầu phát tâm xuất gia tu hành cho đến phân bố xá lợi gồm có ba trăm năm mươi pháp môn và mỗi mỗi pháp môn đều có sáu pháp lục độ hợp lại thành hai ngàn một trăm độ. Dùng pháp độ này phá trừ bốn phần phiền não và hợp thành tám ngàn bốn trăm pháp. Nếu ước định một biến làm mười pháp tức hợp thành tám vạn bốn ngàn pháp môn. Do tạo ra tám vạn bốn ngàn pháp môn nên gọi là Thế-giới-tất-đàn. Nếu tạo ra tám vạn bốn ngàn trần lao phiền não thì gọi là Vị-nhân-tất-đàn thu nhiếp. Tám vạn bốn ngàn Tam muội và tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni cũng như vậy. Nếu tạo ra tám vạn bốn ngàn pháp đối trị, tám vạn bốn ngàn cửa “không” tức là Đối-trị-tất-đàn thu nhiếp. Nếu tạo ra tám vạn bốn ngàn các pháp Ba-la-mật, tám vạn bốn ngàn pháp Độ vô cực thì gọi là Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn thu nhiếp. Lại có thuyết nói: Ba trăm năm mươi pháp môn thuộc địa vị Phật, mỗi pháp môn có mười pháp thiện và nhân lên chúng ta sẽ có ba ngàn năm trăm pháp thiện, đem đối trị với bốn phần sẽ được một vạn bốn ngàn pháp thiện. Lại đem đối trị sáu căn nên nhân lên thành tám vạn bốn ngàn pháp môn”.

Thứ bảy là nói rõ đạt được Dụng và không đạt được Dụng: Nói về bốn Tất-đàn thì chỉ riêng có Như Lai là rốt ráo đầy đủ công dụng vi diệu. Các Địa dưới trở đi đạt được Dụng không giống nhau. Gồm có bốn câu: 1. Không thể được, không thể dùng; 2. Được mà không dùng; 3. Không được mà dùng; 4. Cũng được cũng dùng. Hàng phàm phu và ngoại đạo do lưu chuyển của tập khổ còn không thể biết đến tên gọi của bốn Tất-đàn huống hồ đạt được chúng. Đã không đạt được thì sao nói có thể dùng! Nếu hàng nhị thừa thuộc Tam Tạng giáo chuyên cần tự hành biết khổ, đoạn tập tu đạo mà chứng diệt nhập chơn nên cũng gọi là đạt được. Tuy nhiên do không độ chúng sanh nên không có khả năng dùng. Giả sử khiến dùng thì cũng sai lệch căn cơ không thể phù hợp. Vì thế ngài Tịnh Danh trách Mãn Nguyện rằng: Không biết căn cơ của người thì không nên thuyết pháp, không thể lấy thức ăn dơ bỏ vào trong bát quý”, như Phú lâu na mất hết chín tuần để giáo hóa ngoại đạo ngược lại

bị họ chế diễu, như Văn Thù vừa đến, Thầy trò kia đều hàng phục. Đây là do không biết sự ưa muốn của họ nên không thể dùng Thế-giới-tất-đàn. Như Thân Tử dạy hai người đệ tử nhưng thiện căn không phát khởi mà lại sanh khởi nghi ngờ sai trái. Đây là không thể dùng Vị-nhân-tất-đàn. Như năm trăm vị La-hán vì Ca-hy-na nói pháp Tứ đế nhưng chẳng đem lại lợi ích gì, nhưng Phật dùng pháp Quán bất tịnh để nói thì ông ấy liền được phá trừ ác. Đây là không thể dùng Đối trị tất đàn. Như Thân Tử không độ người khiến phước tăng, lương y giỏi không trị nổi bệnh cho lương y dở, năm trăm La-hán không độ thoát nhưng Phật độ người ấy liền chứng đắc A-la-hán. Đây là không thể dùng Đệ-nhất-nghĩa tất đàn. Bích chi Phật cũng như vậy gọi là được mà không dùng. Kế đến nêu ra hàng Bồ-tát thuộc Tam Tạng giáo, tuy biết tập khổ, tu đạo nhưng chỉ hàng phục kiết hoặc mà chưa có chứng diệt nên chỉ đạt được ba thứ Tất-đàn. Tuy còn một Tất-đàn chưa đạt được mà có khả năng sử dụng cả bốn Tất-đàn, vì sao? Vì như người dẫn đường bị bệnh nhưng có đủ thuyền bè, tuy thân ở tại bờ này mà có thể đưa người qua bờ bên kia, thường lấy việc giáo hóa người làm phận sự, tự mình chưa đạt được độ mà trước hết độ người. Đây là vì không đạt được mà dùng. Nhị thừa của Thông giáo, Thế, môn, tuy khéo chứng đắc mà không thể dùng nên cùng với Tam Tạng giáo đồng nhau. Bồ-tát của Thông giáo từ sơ địa đến địa thứ sáu thì cũng chứng đạt và cũng có công dụng. Tuy nhiên ở cấp độ này tuy có dụng mà chưa khéo léo. Bồ-tát trụ ở địa thứ bảy do nhập giả quán nên công dụng trở nên thù thắng. Nếu Thập Trụ của Biệt giáo thì chỉ đạt được phân tích pháp và thể pháp, hai loại bốn Tất-đàn nhưng chưa có thể dùng. Đến Thập Hạnh mới có thể dùng. Thập hồi hướng mới tiến đến sự chứng đạt tương tự bốn Tất-đàn nên công dụng cũng tương tự. Khi bước lên Địa từng phần chứng đắc chơn thật nên công dụng cũng từng phần chơn thật. Đệ tử thuộc năm phẩm của Viên giáo cũng chưa có thể đạt được và dùng mà chỉ lấy sáu căn thanh tịnh làm cơ sở tương tự chứng đắc và công dụng. Ở bậc Sơ trụ thì có được phần chứng đắc và công dụng chơn thật, chỉ có Phật mới có sự chứng đắc và công dụng rốt ráo.

Thứ tám là nói đến Thật trí và Quyền trí của bốn Tất-đàn nghĩa là nêu ra Tứ đế để biện rõ bốn Tất-đàn. Đây là cách nói chung đó thôi. Thích Luận nói “Các kinh đa phần bàn luận nhiều về ba Tất-đàn trước mà không đề cập đến Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn. Đây chỉ cho Tam Tạng giáo phần nhiều nói về nhân duyên sanh, sanh ra sự tướng và diệt sắc giữ lấy Không mà ít nói đến Đệ-nhất-nghĩa. Căn cứ ở Bồ-tát của Tam

Tạng giáo thì chỉ ước định ba Tất-đàn mà nêu ra bốn. Chỉ có Phật mới đầy đủ cả bốn Tất-đàn. Tuy như vậy nhưng cuối cùng lại giới hạn để hóa độ, quyền biến mà hòa hợp với căn cơ Tiểu thừa. Nếu Tứ đế của Thông giáo nói rõ bốn Tất-đàn thì thể pháp tức là chơn thật và môn ấy rất khéo léo. Thích luận nói “Nay muốn nói Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn cho nên nói kinh Bát-nhã Ba-la mật”. Căn cứ Phật và Bồ-tát đều chứng đạt bốn Tất-đàn nhưng ước định ở Chơn đế phương tiện để nói rõ Tất-đàn vẫn còn phụ thuộc vào quyền trí. Nếu Tứ đế của Biệt giáo thì nói rõ bốn Tất-đàn được xét theo ở Trung đạo. Ý này rất sâu xa nhưng vẫn còn trải qua sự riêng biệt nên tướng riêng biệt chưa dung thông, đạo giáo là Quyền. Đây tức chẳng phải tuyệt diệu. Nay Tứ đế của Viên giáo nói rõ bốn Tất-đàn và tướng viên dung ấy nói lên sự thật tối thượng cho nên bốn Tất-đàn là thật, là tuyệt diệu. Nếu dùng Quyền và Thật này xét theo năm vị giáo thì vị Nhũ giáo có bốn Quyền và bốn Thật, Lạc giáo chỉ có bốn Quyền, Sanh tô giáo tức có mười hai Quyền và bốn Thật. Thục tô (váng sữa) tức có tám Quyền và bốn Thật Niết-bàn có mười hai loại Quyền, bố Thật, Pháp Hoa có bốn loại đều là Thật v.v...

Hỏi: Bồ-tát Tam Tạng giáo tuy đạt được bốn Tất-đàn nhưng so với Thông giáo chỉ thành tựu ba Tất-đàn. Nay Thông giáo so với Biệt giáo thế nào?

Đáp: Điều này có hai nghĩa. Tương đương Thông giáo thì đạt được bốn Tất-đàn so với Biệt giáo thì chỉ đạt được ba Tất-đàn.

Hỏi: Biệt giáo so với Viên giáo cũng vậy hay sao?

Đáp: Không thể so sánh, vì Viên giáo Biệt giáo, chứng đạo giống nhau.

Hỏi: Vậy đều nói Tam tạng và Thông giáo đều chứng Chơn đế thì cũng nên đều đạt được bốn Tất-đàn?

Đáp: Tam Tạng giáo Chơn đế tuy đồng nhưng Bồ-tát chưa đoạn hoặc cho nên còn thiếu một Tất-đàn. Còn Viên giáo và Biệt giáo đều đoạn sạch hoặc nên có đầy đủ cả bốn Tất-đàn.

Hỏi: Tam tạng, Thông giáo bình đẳng tuy có bốn Tất-đàn mà thành ba Tất-đàn, có thể là Quyền còn Biệt giáo có bốn Tất-đàn nhưng không thể ba, nên chẳng phải Quyền?

Đáp: Tam tạng, Thông giáo với các giáo, chứng đều là quyền nên chỉ có ba Tất-đàn mà không có bốn Tất-đàn. Biệt giáo, giáo đạo là Quyền mà đạo chứng Thật, từ đạo chứng đắc thì có đủ bốn Tất-đàn, từ giáo thì chỉ có Quyền.

Hỏi: Song song với chứng đạo có bốn Tất-đàn thì giáo đạo phải

có ba ư?

Đáp: Nếu chọn lấy Địa tiền làm giáo đạo thì đúng như đã hỏi v.v...

Thứ chín là nói khai Quyền hiển Thật: Tất cả các pháp không có pháp nào là không vi diệu, một sắc một hương không gì chẳng phải trung đạo nhưng vì chúng sanh chất chứa phàm tình nên bị ngăn cách đối với sự vi diệu ấy. Do tâm đại bi tùy thuận chúng sanh, không cùng tranh đua với thế gian cho nên nêu ra Quyền và Thật bất đồng. Kinh Vô lượng Nghĩa nói “Hơn bốn mươi năm, ba tạng pháp, bốn quả và hai đạo đều không hợp. Nay khai mở môn phương tiện để chỉ ra tướng chơn thật là chỉ vì một đại sư nhân duyên, chỉ nói đạo vô thượng để khai mở Tri kiến Phật nhằm khiến tất cả chúng sanh đều được hội nhập Thật tướng cứu cánh. Trừ diệt “hóa thành” tức là quyết định các tâm thô đều được đến Bảo sở, đi vào sự vi diệu. Nếu là bốn vi diệu của vị Sữa đầu tiên (Nhũ giáo) thì cùng với vi diệu hiện nay không lấy làm lạ, bởi vì chỉ là quyết định bốn diệu kia là Quyền quy tụ đi vào diệu ngày nay. Do đó văn kinh nói “Bồ-tát nghe pháp này, lưới nghi đều được dứt trừ” tức chỉ cho ý này. Mà quyết định bốn Quyền của Lạc giáo, mười hai Quyền của Sanh Tô, tám Quyền của Thục tô đều được hội nhập sự vi diệu. Như văn kinh nói “một ngàn hai trăm La-hán cũng đều sẽ thành Phật” Lại nói “Quyết định rõ ràng pháp Thanh-văn, là vua trong các kinh”. Nghe rồi suy nghĩ đúng đắn được đến gần với đạo vô thượng”. Như vậy nghĩa vi diệu trong Phương Đẳng, Bát-nhã đã bàn luận cũng cùng với vi diệu ngày nay không có gì khác lạ. Ý này chính là khai mở Quyền mà hiển bày Thật.

Hỏi: Quyết định các Tất-đàn thuộc Quyền đồng trở thành Diệu, Đệ-nhất-nghĩa là đúng như vậy phải không?

Đáp: Quyết định Quyền đi vào Diệu một cách tự tại vô ngại, vì khiến cho Diệu, Đệ-nhất-nghĩa không thể ngăn cách với ba Tất-đàn, ba không ngăn cách một, tự tại đối với một và ba. Nay tạm đưa ra một cách giải thích vậy. Nếu quyết định Thế-giới-tất-đàn của Quyền là Thế-giới-tất-đàn của Diệu thì tức là đối với sự giải thích tên gọi Diệu, cũng là tên gọi tánh tướng của chín pháp giới, mười Như, đồng trở thành tánh tướng thuộc pháp giới của Phật, thu nhiếp tất cả tên gọi: “Cũng là hội nhập Thiên tánh quyết định là cha con, lại còn đặt tên cho nó là con, ta thiệt là cha nó, nó thiệt là con ta”. Nếu quyết định Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn thuộc Quyền là Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn Diệu thì chính là Thể Diệu của kinh, tức là khai mở tri kiến Phật, chỉ ra tướng chơn thật, dẫn đến Bảo

sở. Nếu quyết định Vị-nhân-tất-đàn thuộc Quyền là Vị-nhân-tất-đàn của Diệu thì chính là tông Diệu, như kinh này nói “đều ban cho các con một thứ xe lớn”. Nếu quyết định Đối-trị-tất-đàn thuộc Quyền nhập vào Đối-trị-tất-đàn của Diệu chính là đối với Diệu dụng, như văn kinh nói “lấy châu báu này đem đổi lấy những thứ cần dùng”. Lại nói “như vị thuốc hay này, nay để, lại đây các con có thể lấy uống chớ có ưu sầu là không chữa được...” Kinh lại nói “chính là bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, nếu động chấp sanh nghi Phật sẽ vì họ mà đoạn trừ nghi, khiến hết sạch không còn sót lại”. Lại nói “Ta đã được lậu tận, nghe cũng trừ ưu não”. Nếu phân biệt bốn Tất-đàn thuộc Quyền có giống và khác thì quyết định nhập vào Tất-đàn của Diệu thuộc kinh này tức lại không thấy giống và khác. “Xưa kia chưa từng nói, nay đều sẽ được nghe” ngay nơi Diệu này không thể có giống và khác, tức đối với Diệu của tướng giáo. Như văn kinh nói “tuy chỉ ra nhiều loại đạo nhưng sự thật chỉ vì một thừa, tuy phân biệt các pháp giống và khác nhưng vì hiển bày sự không giống và không khác mà nói pháp không có phân biệt”.

Thứ mười nói về lưu thông kinh.

Hỏi: Nay lấy bốn Tất-đàn lưu thông kinh này, văn kinh ở phần nào có nói bốn Tất-đàn?

Đáp: Khắp trong văn kinh đều có ý này nhưng ở đây không thể dẫn chứng đủ hết được, nay chỉ lược dẫn hai phần văn nói về Bồn và Tích. Trong phẩm Phương Tiện nói “biết rõ những gì nhớ nghĩ thuộc tâm hành sâu xa của chúng sanh, các nghiệp, ham muốn, bốn tánh, lực tinh tấn trong quá khứ đã tích tập và các căn lợi, độn nên dùng nhiều thứ nhân duyên, thí dụ ngôn từ mà tùy phương tiện để nói”, Đây há chẳng phải là nói về bốn Tất-đàn hay sao! Sự ham muốn tức là chỉ cho sự ưa muốn nghĩa là Thế-giới-tất-đàn. Bốn tánh tức là tánh của trí tuệ tức Vị-nhân-tất-đàn. Lực tinh tấn chính là sự phá ác tức chỉ cho Đối-trị-tất-đàn. Các căn lợi, độn là chỉ cho hai hạng người được hiểu ngộ không giống cũng chính là nói đến Đệ-nhất-nghĩa Tất-đàn. Lại nữa trong phẩm Thọ Lượng nói: “Như lai thấy rõ không có sai lầm. Bởi các chúng sanh có các loại tánh, các loại dục, các loại hạnh, các loại nhớ tưởng phân biệt nên muốn làm cho chúng sanh các căn lành phải dùng bao nhiêu nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, các cách nói pháp, và Phật sự đã làm chưa từng tạm bỏ”. Trong đoạn kinh trên, các loại tánh tức nêu ra Vị-nhân-tất-đàn. Các loại dục là chỉ cho Thế-giới-tất-đàn. Các loại hạnh là chỉ cho Đối-trị-tất-đàn. Các loại nhớ tưởng phân biệt là lấy lý để chuyển hóa sự nhớ tưởng sai quấy nhằm đạt được cái thấy chánh trực tức là Đệ-nhất-

nghĩa Tất-đàn. Hai đoạn kinh văn trên nêu ra đầy đủ bốn nghĩa mà đều nói “vì chúng sanh mà thuyết pháp” há chẳng phải là minh chứng cho bốn Tất-đàn đã thiết lập giáo nghĩa ư!

Trong phần riêng (Biệt) giải thích năm chương thì chương đầu giải thích tên được phân làm bốn: 1. Phán xét, thông và biệt; 2. Quyết định trước sau; 3. Nêu ra sự giải thích cũ; 4. Chính giải thích Diệu Pháp Liên Hoa. Tên khác với các kinh là Biệt đều gọi là kinh tức Thông vậy.

Việc Thiết lập hai tên này (biệt và thông) là bao hàm ước định theo ba ý nghĩa là Giáo, Hành và Lý. Dựa trên duyên cho nên Giáo có riêng biệt, từ thuyết cho nên giáo có thông suốt. Từ “Năng khế” (chủ thể khế hợp) nên Hành riêng biệt, từ “Sở khế” (đối tượng khế hợp) nên gọi là Hành thông suốt, Lý theo tên gọi mà có riêng biệt, tên gọi theo Lý nên có thông suốt. Như vậy ước lược đã trình bày xong. Phàm nói đến Giáo vốn tương ứng với căn cơ, nhưng căn cơ thích nghi bất đồng cho nên mới có mỗi bộ riêng khác, nhưng đều chung từ kim khẩu, Phạm âm của Phật nói ra nên là thông (chung). Vì thế có hai tên thông và biệt. Nếu căn cứ ở hành thì chính là pháp bảo chơn thật Niết-bàn. Chúng sanh dùng nhiều loại cửa để đi vào đó. Như năm trăm Tỳ kheo đều nói lên nhân của thân, Phật nói đó đều là chánh thuyết, ba mươi hai vị Bồ-tát nhập vào pháp môn “bất nhị” (không hai). Văn Thù gọi là thiện, Đại Luận nêu ra A-na-ba-na đều là pháp Ma-ha-diễn (Đại thừa) vì không thể đạt được pháp. Nên biết theo hành là riêng biệt còn chỗ khế hợp là đồng nhau. Câu-na-bạt-Ma nói “Các luận đều dựa trên cơ sở khác nhau, nhưng tu hành về lý thì bất nhị v.v...” Nếu xét theo lý thì không có hai tên gọi mà cũng chẳng phải một. Luận Trí Độ nói “Bát-nhã là một pháp nhưng Phật nói nhiều thứ tên gọi” Đại kinh nói: “giải thoát cũng như vậy có nhiều tên gọi như Thiên Đế Thích có hàng ngàn tên gọi”. Tuy tên gọi thì khác nhưng lý thì chỉ có một nên nói là thông suốt. Nay gọi Kinh Diệu pháp tức là giáo thông và biệt. “Đều ban cho các con một loại xe lớn, cưỡi xe báu ấy thẳng đi đến đạo tràng tức là hành thông suốt và riêng biệt. Hoặc nói Thật tướng, hoặc nói tri kiến Phật, gia nghiệp Đại thừa, sự chân thật của một địa, Bảo sở, buộc hạt châu bình đẳng, đại tuệ bình đẳng... tức là lý thông suốt và riêng biệt. Do ước định ba nghĩa này nên mới lập nên hai tên gọi.

Hỏi: Giáo chủ không đồng thiết lập giáo vậy sao nói từ kim khẩu, Phạm âm của Phật gọi là giáo thông suốt?

Đáp: Đây có hai nghĩa: 1. Phù hợp từng phần; 2. Bỏ qua chi tiết. Phù hợp với từng phần là như Phật thuộc Tam Tạng giáo ứng phó với

nhiều loại duyên để nói nhiều loại giáo. Do duyên khác cho nên giáo cũng khác. Tuy nhiên chủ chỉ có một cho nên gọi là Thông giáo. Nướng vào Giáo hành mà có Năng hợp và Sở hợp cho nên có nhiều tên gọi nhưng lý thì không có nhiều thứ. Kinh nói “tức liền cởi chuỗi ngọc... mặc áo thô rách, dơ xấu”... “Bảo rằng người chớ đi nơi khác, ta sẽ trả thêm tiền công cho người... cho đến đầu thoa chân” Đây tức Lý Hành của thân khẩu ngang nhau mà nói chứ không thể tạo ra cách hiểu khác được. Lý, Hành của Thông giáo và Biệt giáo, Viên giáo v.v... cũng phân định như thế. Nghĩa này thì dễ hiểu mà lý thì khó viên dung. Bỏ qua chi tiết: Nghĩa là chỗ nào riêng biệt có bốn giáo chủ thì có mỗi thân, mỗi khẩu và mỗi lời nói ẩn chứa vô lượng công đức trang nghiêm thân. Như hiện thân cao một trượng sáu với sắc vàng sáng chói, không nói vị Thường Lạc ngọt ngào mà nói lời vô thường mặn chát đắng cay; từ bỏ trang phục của bậc Vua chúa mà mặc áo thô, cầm bình bát đi khất thực gọi là phương tiện. Nếu khai mở phương tiện để chỉ ra tướng chơn thật tức hướng đến thân là thân viên mãn thường hằng, hướng đến pháp là pháp viên mãn, hướng đến hành và lý thì đều là chơn thật. Như đây thông suốt đều là giáo của một Phạm âm mà có Tiểu thừa và Đại thừa sai biệt. Năng hợp có gần và dài nhưng sở hợp chỉ có một. Bởi vì, rất nhiều loại tên gọi, để đặt tên cho một cứu cánh, nhưng cứu cánh chỉ có một mà thích ứng với các tên gọi. Như đây để luận về Giáo, Hành, Lý có thông và biệt, trên phương diện tướng thì khó hiểu, nhưng lý thì dễ biện rõ v.v...

Thứ hai: Quyết định trước sau của hai chữ Diệu Pháp: Nếu theo nghĩa làm thuận tiện thì nên trước hết nêu ra chữ Pháp, rồi luận trở lại sự vi diệu của nó. Như văn kinh dưới nói “Pháp của ta vi diệu khó suy lường được”. Nếu căn cứ vào tên gọi làm thuận tiện thì trước hết phải nêu ra chữ Diệu rồi kể đó nói lên chữ Pháp. Như muốn nói đến cái đẹp của con người thì phải gọi là người đẹp. Nhưng nếu không có người thì chỗ nào gọi là đẹp. Do đó trước hết phải nêu ra người rồi sau đó mới nói đến cái đẹp. Nay tựa đề của kinh tức căn cứ theo tên gọi mà có nên trước hết nêu ra chữ Diệu và sau đó là chữ Pháp. Nếu căn cứ theo giải thích nghĩa thì trước chữ Pháp sau là chữ Diệu. Tuy vậy nhưng trước hay sau thuộc vị trí của hai chữ này đều không có trái ngược nhau v.v...

Thứ ba: Nêu ra cách giải thích cũ cũng có nhiều cách, tuy nhiên ở đây chỉ nêu ra bốn cách làm điển hình: 1. Quán Đạo tràng nói “ứng hợp với chúng sanh mà nói ba thừa nhưng ba thừa chẳng phải là chơn thật. Cuối cùng ba thừa phải quy về một thừa gọi là Vô thượng thừa. Và do

vô thượng cho nên nói là Diệu. Dẫn chứng kinh nói: “Thừa này thanh tịnh vi diệu bậc nhất, đối với thế gian là trên hết”. Lại nói “Dựa vào lời nói diễn đạt hiện tượng bên ngoài, nhưng thể của nó bật dứt sự thô sơ, tinh tế nên gọi là Diệu”. Lại dẫn kinh nói “Pháp ấy không thể chỉ ra, tướng ngôn từ đã tịch diệt”; 2. Hội Kê Cơ nói “Diệu là biểu hiện sự xứng hợp đồng nhau. Do ba nhân xưa khác nên hưởng đến ba quả cũng sai khác mà không thể gọi là Diệu”; 3. Bắc Địa sư nói: “Lý chẳng phải ba thừa và ba giáo là thô, tông chỉ của chẳng phải ba thừa là Diệu”. Ý này đồng nhưng ngôn từ diễn đạt yếu; 4. Quang Trạch Vân nói: Diệu là pháp nhân quả của một thừa. Đối với nhân quả xưa đều có ba thứ thô, nay dạy cho nhân và quả mỗi thứ đều có ba diệu. Nhân quả xưa kia thô là thể của nhân hẹp hòi, vị của nhân thấp kém và công dụng nhân lại ngăn ngại. Thanh-văn tu pháp Tứ đế, Bích chi Phật tu tập mười hai nhân duyên, Bồ-tát tu pháp lục độ, với ba nhân sai biệt, không thể thu nhiếp lẫn nhau nên thể của nhân trở nên hẹp hòi. Xưa kia hành trong đạo vô ngại thứ chín gọi là Bồ-tát điều phục đạo mà không đoạn. Do chưa thoát ra khỏi ba cõi nên gọi là vị của nhân thấp kém. Vô ngại đạo thứ chín chỉ hàng phục bốn Trụ mà không hàng phục hết vô minh nên nói công dụng ngăn ngại. Đây là nêu ra nghĩa của ba nhân xưa kia còn thô sơ. Quả xưa kia thô sơ tức là Thể hẹp, vị thấp kém và dụng ngăn ngại. Do các đức của Hữu dư và vô dư không đầy đủ cho nên nói thể hẹp. Địa vị ở tại Hóa thành mà không ra khỏi sự biến dịch cho nên nói vị thấp kém. Giải thoát đạo thứ chín chỉ trừ bốn Trụ mà không phá sạch vô minh. Lại nữa, tám mươi tuổi thọ trước chưa vượt quá hàng sa, sau không gấp bội số trên cho nên nói công dụng ngăn ngại. Đây là nghĩa nhân quả xưa kia cho nên thô. Nay vì Nhân có thể rộng, vị cao, công dụng lâu dài mà hợp ba thừa làm một thừa để thu nhiếp vạn thiện cho nên nói thể rộng. Do không dừng lại để hành vô ngại đạo trong ba cõi mà còn thoát ra khỏi ba cõi hành Bồ-tát đạo cho nên nói địa vị cao. Do vô ngại hàng phục hoặc chướng không chỉ có bốn trụ mà tiến đến hàng phục vô minh cho nên nói dụng lâu dài. Nay ba nghĩa của nhân vi diệu là vậy. Ba nghĩa diệu của quả tức là thể rộng, vị cao và dụng dài. Do thể đầy đủ các đức và vạn thiện cùng khắp cho nên nói thể rộng. Địa vị đạt đến Bảo sở cho nên nói vị cao. Do đoạn trừ năm trụ “hoặc” và thân thông, kéo dài tuổi thọ làm lợi ích cho chúng sanh cho nên nói là dụng dài. Nay nói ba nghĩa của quả cho nên Diệu cũng chính là pháp vi diệu của nhân quả Nhất thừa. Xưa nay các cách giải thích thường lấy Quang Trạch làm đứng đầu. Xét cách giải thích Đại thừa của phương Nam thì

đa phần dựa vào Triệu Thập (Tăng Triệu) Triệu Thập phần nhiều phụ thêm giải thích ý chung. Vậy Ngài Quang Trạch giải thích chữ Diệu lẽ nào được nghĩa xa như thế! Nay trước hết hỏi Ngài Quang Trạch, còn các vị kia so chiếu theo mà biết. Có bốn câu hỏi về thể của Nhân có rộng và hẹp: nếu cho rằng Thể của nhân xưa hẹp là thô thì chỉ cái gì là Nhân xưa? Nếu chỉ ra Tam Tạng giáo v.v... thì có thể như vậy. Nếu chỉ cho Pháp Hoa trở về trước đều là Nhân xưa thì điều này không đúng. Vì sao? Vì Bát-nhã nói “Tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn, chẳng có pháp nào mà không vận chuyển” Kinh Tư Ích nói: “Hiểu các pháp tướng là hành khắp Bồ-tát đạo” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhập vào pháp giới không động đến Niết-bàn” Kinh Tịnh Danh nói: “Trong một niệm biết tất cả pháp chính là ngôi ở đạo tràng (thành Phật). Nhân xưa như đây thì không có chỗ nào là không thu nhiếp. Nếu vì đó là hẹp mà như nói nhân nay rộng, thì sao vôi vàng nói Pháp Hoa nêu ra Nhất thừa là Liễu (nhân) mà không thể nói ra Phật tánh là không liễu rõ? Sao lại nói Pháp Hoa nêu ra Duyên nhân là viên mãn mà không thể nói “Liễu nhân” là không viên mãn? Sao lại nói trước quá “hằng sa” và sau số tăng gấp bội ở trên, thì cũng còn là nhân vô thường. Đã dùng nhân vô thường sao có thể đạt quả thường? Nhân quả đều vô thường, người vô thường này sao thấy được Phật tánh! Do chẳng phải “liễu nghĩa” cho nên không thể thu nhiếp Hành nhất (Nhất thừa) không thấy Phật tánh nên Thể không thể thu nhiếp Lý nhất. Nên biết, cái hẹp trong nhân nay hẹp thì hẹp đó là thô. Thể xưa kia đã rộng thì xưa kia trở lại là diệu. Một vấn nạn này thôi cũng biết được thô và diệu. Nhưng phải làm đủ các vấn nạn sau.

Có bốn câu hỏi về vị của Nhân cao, thấp: Bát-nhã là “vô thượng minh chú, vô đẳng đẳng minh chú”. Người thượng căn phải cầu nhân thuộc pháp thượng căn nên giáo không thể thấp kém. Đại Luận nói “Bồ-tát vượt ra khỏi ba cõi thọ nhận thân pháp tánh, hành hạnh Bồ-tát, thì vị của nhân, không thể thấp kém. Tịnh Danh khen ngợi đức của Bồ-tát gần với Phật Vô Đẳng đẳng. “Tự tại tuệ khắp mười phương làm Ma vương đều là trụ ở đạo giải thoát không thể nghĩ bàn”, tức là nhân Người mà không thể thấp kém. Tịnh Danh nói “Tuy thành Phật đạo chuyển pháp luân nhưng vẫn hành đạo Bồ-tát”. Lại nói “Tạng pháp bí mật của chư Phật không gì chẳng được vào” tức là thấy Lý không thể thấp kém”. Như vậy, bốn thứ nhất của vị Nhân đều cao, tại sao nói thô? Nếu nói vị của Nhân nay cao thì tại sao giáo chợt nhiên trở nên thời thứ tư. Vị sao chợt nhiên trụ ở đạo vô ngại để hàng phục vô minh, Người sao hốt nhiên có thân sanh tử mà chẳng phải thân pháp tánh, Lý sao

hốt nhiên vô thường mà không thấy Phật tánh! Nên biết Nhân nay đều không có bốn nhất và vị ấy thấp mà thô. Nhân xưa đều có đủ bốn nhất đồng thời cao mà diệu!

Có bốn câu hỏi về Dụng của Nhân dài, ngắn. Thích Luận nói “Mọi chỗ đều có nói: Phá vô minh Tam muội là công dụng dài lâu của giáo, Sự việc này mà không biết thì gọi là vô minh. Nhứt thiết chủng trí của Phật biết tất cả pháp minh và vô minh là không có hai. Nếu biết vô minh không thể đạt được, cũng không có vô minh tức là hội nhập được pháp môn Bất nhị đó tức là công dụng lâu dài của Hành, vả lại một ngày hành Bất-nhã thì như mặt trời chiếu soi xuống thế gian vượt xa ánh sáng của đom đóm. Nếu người đi vào rừng họa Chiêm bặc thì không thể ngửi được mùi hương khác, tức ai còn thích công đức của Nhị thừa! Ngồi không cần phải lễ, hoa không mắc vào thân đều là hạng A duy việt địa (Bất thối chuyển) tức là công dụng lâu dài của Người. Do sắc vô biên nên Bất-nhã cũng vô biên, thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Bất-nhã cũng vô biên. Đây tức là dụng lâu dài của Lý. Nên biết Giáo, Hành, Nhơn, (người) lý xưa kia đều là lâu dài. Do lâu dài cho nên mới Diệu. Nếu nói dụng của nhân, nay lâu dài thì sao lại nói Pháp Hoa che lấp tướng giáo! Nếu vậy, Giáo tức dụng ngắn, Hành che lấp hành tướng tức cũng dụng ngắn: che lấp tướng không nêu ra phát tánh nên lý trở nên ngắn, bốn nhất đã khiếm khuyết thì nhân nay trở thành Dụng ngắn và thô. Dụng xưa kia đã là dài và do dài mà trở nên diệu.

Có bốn câu hỏi vấn nạn về thể của quả rộng hẹp: Nếu thể quả xưa kia là hữu dư và vô dư, không đầy đủ các đức, là hẹp, là thô thì lẽ nào đúng sao? Bất-nhã là mẹ của chư Phật mười phương chư Phật đều hộ trì. Tịnh Danh nói “Chưa từng nghe kinh Thật tướng sâu xa này”. Phải biết thể của quả xưa rất đầy đủ các đức. Nếu nói thể quả nay rộng nên đầy đủ viên mãn, liễu nghĩa thì cơ sao còn nói: Cũng viên mãn, và không viên mãn, cũng liễu, và không liễu? Cơ sao lại nói Phật quả là vô thường cũng không có ngã, lạc, tịnh v.v... Các đức thiếu như vậy, thì nghĩa rộng sao tồn tại! Nếu thể rộng tức là Pháp thân thích ứng khắp tất cả mọi nơi, cơ gì lại nói tuổi thọ chỉ có tám mươi hoặc bảy trăm A-tăng-kỳ? Đã đoạn thân mạng, nhập diệt rồi bỏ nơi này mà không đến nơi khác chẳng? Nếu nói thể rộng thì phải đầy đủ Ngũ nhãn thấy được Phật tánh. Nên biết, nay quả khiếm khuyết bốn nhất, hẹp mà là thô, đem Nhân nay so chiếu với Nhân xưa thì xưa kia lại là Diệu!

Bốn câu hỏi về Quả vị cao thấp: Quả vị nay nếu cao thì khi thiết lập giáo sao lại ở thời giáo thứ năm bên dưới? Hành sao không thoát

ra khỏi vô thường? Người sao không thể ra khỏi Biến dịch sanh tử? Lý sao không cùng tột tạng bí mật? Nên biết, vị của quả nay khiếm khuyết bốn nhất đều thấp kém và thô. Vị quả xưa kia đầy đủ cả bốn nhất nên trở thành cao và diệu.

Bốn câu hỏi về dụng dài và ngắn của Quả: Nếu dụng của quả nay dài thì Giáo tại sao không nêu rõ “thường trụ”? Hành sao không nhanh chóng phá vô minh? Người sao không chính là Tỳ-lô-giá-na? Lý sao không chính là Tạng bí mật? Nên biết, quả nay không có pháp diệu, há chẳng phải thô ư! v.v... Nhưng lại nói thần thông kéo dài tuổi thọ thì thần thông ấy ra sao? Nếu tạo ra ý thần thông thì đồng với ngoại đạo. Nếu nói thần thông vô lậu thì đồng với Tiểu thừa. Nếu nói Thật tướng thần thông tức chẳng phải kéo dài, chẳng phải không kéo dài, có thể kéo dài và không thể kéo dài. Nếu có thể kéo dài thì sao chỉ kéo dài tuổi thọ mà không kéo dài nhãn thông khiến thấy Phật tánh. Tại sao không kéo dài lưỡi để nói lời Thường trụ? Mắt không thấy tánh tức biết chẳng phải Thật tướng thần thông, chẳng phải thô thì sao gọi là một vấn nạn trước đã biết thô mà lại trình bày vấn nạn sau?

Ngài Quang Trạch đã tạo ra sáu loại nhân quả để phán quyết thô và diệu. Nay Tôi dùng bốn nhất chuyên phán quyết về sự vi diệu. Nay vấn nạn về thô ấy đều đầy đủ bốn nhất tức xưa kia thô mà chẳng phải thô. Vấn nạn về diệu hoàn toàn không có bốn nhất tức nay diệu mà mà chẳng phải diệu. Ở trong một câu ấy thiết lập nên bốn câu vấn nạn. Như vậy bốn nhân với sáu thành hai mươi bốn câu! Dùng mâu thuẫn của Ngài tự đánh trở lại nên không thừa không thiếu, mà chấp nhận tương ưng ngần ấy đó thôi!

